

Số: 4837/QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ; ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng; Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi một số nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 65/TTr-KHĐT ngày 15/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng như sau:

Giảm vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng) xuống 72.273.161.900 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm đồng).

Điều 2. Ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng kèm theo Quyết định này.

Bản Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 và Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng có trách nhiệm thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các ngành liên quan; Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Hải Phòng căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 và Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP P. A. Tuấn;
- Các Phòng: TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TC2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



Hải Phòng, ngày 23 tháng 12 năm 2024

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẢI PHÒNG

(kèm theo Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND thành phố)

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Căn cứ xây dựng Điều lệ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;
- Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty” là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
- “Người quản lý Công ty” là Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- “Vốn điều lệ của công ty” là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty và ghi tại Điều lệ Công ty.
- “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Công ty, bao gồm góp vốn để thành lập Công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của Công ty đã được thành lập.

5. “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu Công ty.

6. “Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty” tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp.

7. “Công ty con” là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. “Công ty liên kết” là doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.

9. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu và các văn bản có liên quan sẽ có nghĩa tương tự Điều lệ này.

10. Các căn cứ, tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2: Tên, trụ sở chính của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẢI PHÒNG.

b) Tên công ty bằng tiếng Anh: HAI PHONG LOTTERY ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

c) Tên công ty viết tắt tiếng Việt: CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẢI PHÒNG.

2. Trụ sở chính: Số 19 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 0225.3551243

Fax: 0225.3836139

- Email: ctyxosohaiphong@gmail.com, congtyxosohaiphong@gmail.com

- Website: www.xosohaiphong.com.vn

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Hình thức pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Tư cách pháp nhân:

a) Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ tại ngân hàng, kho bạc theo quy định của pháp luật, có Bảng cân

đổi kế toán riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và được lập các Quỹ theo định của pháp luật hiện hành và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Phát triển hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của người dân; góp phần hạn chế tệ nạn số đề, cờ bạc bất hợp pháp; tăng thu cho ngân sách, góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của thành phố.

2. Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu của các loại hình dịch vụ, tăng tỷ lệ tiêu thụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách.

3. Giữ vững sự phát triển ổn định của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước giao; tạo việc làm, thu nhập ổn định, phù hợp cho người lao động,

4. Từng bước hiện đại hóa công tác phát hành xổ số theo định hướng của Bộ Tài chính đến năm 2030 và trong các giai đoạn tiếp theo (nếu có)

5. Chấp hành pháp luật Nhà nước và các quy định về kinh doanh xổ số. Nâng cao uy tín Công ty và chất lượng phục vụ khách hàng.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc Chi tiết: Hoạt động xổ số, đặt cược, các trò chơi có thưởng	9200
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810

Điều 6. Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ: 72.273.161.900 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm đồng*)

2. Cách thức điều chỉnh.

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ và điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho Công ty sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ; Phạm vi, điều kiện, tiêu chí, phương thức, trình tự thủ tục lập, phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước

đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, đồng thời có trách nhiệm đầu tư đủ vốn đã cam kết đầu tư cho Công ty.

c) Giảm vốn điều lệ.

Công ty giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:

- Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

- Vốn điều lệ không được Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

Điều 7. Chủ sở hữu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người.

Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

2.1. Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam, khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

2.3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;

b) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật.

3.1. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này.

Điều 9. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

2. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Công ty

1. Quyền được đầu tư, xây dựng mua sắm tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý nhượng bán tài sản cố định; các quyền khác đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định hiện hành về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh tại Điều 5 Điều lệ này.

a) Có quyền mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng và quản lý, sử dụng, bảo quản các tài sản do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, bao gồm: tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

e) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

f) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

g) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

h) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

i) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

k) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý Công ty, các đơn vị trực thuộc công ty theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhằm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ của Công ty.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự.

a) Tuyển chọn, điều hành, bố trí, sử dụng, đào tạo và đào tạo lại lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh; quản lý lao động, quyết định hình thức trả lương theo quy định của Bộ Luật lao động và pháp luật hiện hành.

b) Có quyền khen thưởng và xử lý vi phạm nội quy, kỷ luật lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

c) Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo các quy định của Chính phủ đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh.

a) Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký; chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Cơ quan đại diện chủ sở hữu về kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh từng năm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty, nhu cầu của thị trường theo kế hoạch 5 năm đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt; sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao.

c) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo đúng quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

đ) Khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

e) Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết theo đúng pháp luật; thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng, an ninh, văn hóa và công tác phòng cháy chữa cháy.

f) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

g) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản liên quan.

h) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương với người lao động, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

i) Chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

k) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện các quy định của nhà nước về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định về công khai đối với doanh nghiệp do Nhà nước ban hành nhằm phát huy quyền làm chủ của tập thể cán bộ công nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong hoạt động quản lý; thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể.

m) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 13. Quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh đối với Công ty. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

3. Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể.

4. Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định hồ sơ, phương án bổ sung vốn điều lệ của Công ty; phối hợp với Sở Tài chính: thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn bổ sung điều lệ.

5. Quyết định về quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên và trả lương cho Kiểm soát viên. Phê duyệt đề nghị của Chủ tịch công ty về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc.

6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

7. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp.

8. Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của Công

ty theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

9. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm sau của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên; Có ý kiến về quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động Công ty theo quy định và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty.

11. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên trong việc quản lý, điều hành Công ty.

12. Quyết định dự án đầu tư phát triển lớn hơn hoặc bằng 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

13. Quyết định để Chủ tịch công ty ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

14. Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

15. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

16. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

17. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

18. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

19. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo pháp luật có liên quan.

Điều 14. Nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty.

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản.

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc phải quản lý và điều hành Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

b) Trong trường hợp Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Chủ tịch công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản Công ty theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hạn chế đối với quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Chỉ được quyền rút vốn đã đầu tư vào Công ty bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho các tổ chức, cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới

chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty và phải đăng ký lại loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 16. Mô hình tổ chức, quản lý của Công ty

1. Công ty tổ chức theo mô hình: Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát (01 Kiểm soát viên).

2. Cơ cấu tổ chức quản lý: Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và bộ máy giúp việc, gồm: các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Trường hợp Chủ tịch, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm, tính đến thời điểm nghỉ hưu còn từ đủ 24 tháng công tác trở lên đối với thời hạn giữ chức vụ 05 năm hoặc còn từ đủ 18 tháng công tác trở lên đối với thời hạn giữ chức vụ 03 năm thì vẫn phải thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại; nếu được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm, nhưng tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 2 năm công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 05 năm, dưới 18 tháng công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 03 năm, được xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp Chủ tịch, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

3. Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập Ban Kiểm soát với số lượng là 01 Kiểm soát viên.

b) Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty.

c) Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và mối quan hệ của Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát với các cá nhân, tổ chức liên quan của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Mục 1 CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 17. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty đó trước khi bổ nhiệm lần đầu.

2. Chủ tịch công ty nhân danh Cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch công ty:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Có trình độ đại học, có năng lực quản lý và kinh doanh. Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh của Công ty.

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

đ) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

e) Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

f) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

g. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

4. Tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

5. Chủ tịch công ty làm việc hàng ngày tại công ty theo quy định của Luật Lao động. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm của Công ty sau khi đề nghị và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

2. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ chủ chốt Công ty là trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và quyết định tuyển dụng lao động, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích hợp pháp của các chức danh trên và quỹ lương của người lao động thuộc thẩm quyền.

3. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

4. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận Công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

5. Cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty quyết định các nội dung quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn đầu tư đối với từng dự án, quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, sử dụng vốn, tài sản, quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm

gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Trường hợp huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp đáp ứng điều kiện trên, nhưng không có trong chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, Chủ tịch công ty phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét phê duyệt.

7. Đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

8. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác sau khi đề nghị và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

9. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi Đề án, phương án được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

10. Quy định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

11. Hàng quý tổ chức họp tập thể lãnh đạo Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng nhiệm vụ của Công ty quý tiếp theo.

12. Quyết định lương đối với chức danh do Chủ tịch công ty bổ nhiệm, quỹ lương của người lao động sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

13. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

14. Có quyền được Cơ quan đại diện chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm, Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở hoạt động của Công ty, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, có quyền báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Phối hợp với Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

16. Các Quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh “Chủ tịch công

ty". Các Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

17. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty.

18. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chỉ đạo Tổng giám đốc điều hành Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

6. Thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát và thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

7. Thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay trung hạn và dài hạn của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

8. Có trách nhiệm chỉ đạo cung cấp và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật

chất và tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

9. Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao hoặc trong những trường hợp sai phạm khác.

10. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 20. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng tiếp.

3. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng giám đốc:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Tốt nghiệp Đại học, có trình độ chuyên môn, có năng lực, kinh nghiệm thực tế ít nhất 03 năm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

đ) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

e) Không được kiêm giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty khác.

f) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty và Cơ quan đại diện chủ sở hữu.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
3. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý trong Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty.
5. Ký kết hợp đồng kinh tế nhân danh công ty; trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty.
6. Kiến nghị, đề xuất với Chủ tịch công ty phương án cơ cấu tổ chức Công ty, khi xét thấy cần thiết.
7. Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
8. Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế, phương án xử lý lỗ trong kinh doanh và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.
9. Tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch sử dụng lao động đã được Chủ tịch công ty phê duyệt.
10. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch công ty chấp thuận.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quyết định của Chủ tịch công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty có hiệu quả, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quan hệ công tác giữa Chủ tịch với Tổng giám đốc trong quản lý điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Tổng giám đốc có thể báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Tổng giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Tổng giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 24. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người sau đây phải được Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty và người có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này.

d) Người quản lý công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó.

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

Người nhân danh Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan

đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

2. Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Trường hợp tỷ lệ phiếu biểu quyết 50/50, Chủ tịch công ty xem xét, quyết định.

3. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt.

b) Giá sử dụng trong hợp đồng, giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Chủ tịch và Tổng giám đốc công ty:

a) Không được làm kế toán, thủ quỹ của Công ty.

b) Không được đẻ cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của của mình phụ trách công tác tài chính - kế toán, giữ chức danh kế toán trưởng trong hoặc thủ quỹ Công ty.

c) Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu về các Hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Phó Tổng giám đốc.

1.1. Tiêu chuẩn và điều kiện Phó Tổng giám đốc:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

b) Tốt nghiệp Đại học, có trình độ chuyên môn, có năng lực, kinh nghiệm quản lý và điều hành các bộ phận trực thuộc công ty ít nhất 02 năm hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

c) Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

f) Không được kiêm “Người quản lý” ở công ty khác.

g) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

h) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

1.3. Số lượng Phó Tổng giám đốc không quá 03 người. Chủ tịch công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trong trường hợp cần bổ sung thêm số lượng Phó Tổng giám đốc, phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

1.4. Phó Tổng giám đốc giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng.

a) Không được làm kế toán, thủ quỹ của Công ty.

b) Không được đẻ cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình phụ trách công tác tài chính - kế toán, giữ chức danh kế toán hoặc thủ quỹ Công ty.

c) Chủ tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

d) Kế toán trưởng giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty chỉ đạo, tổ chức, thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

e) Kế toán trưởng phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Thời hạn và thời điểm bổ nhiệm lại thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Miễn nhiệm đối với Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng), Kiểm soát viên

1. Miễn nhiệm và cách chức đối với Chủ tịch công ty.

1.1. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ Chủ tịch công ty.

1.2. Chủ tịch công ty bị cách chức trong các trường hợp sau:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

2. Miễn nhiệm và cách chức Tổng giám đốc.

2.1. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 20 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin nghỉ việc.

2.2. Tổng giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau:

- a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật.
- b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm.
- c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty.
- d) Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật.
- đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều 21, Điều 22 của Điều lệ và của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý Công ty bị miễn nhiệm và cách chức trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố.
 - b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - d) Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Công ty.
 - đ) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Miễn nhiệm đối với người quản lý Công ty (Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng), Kiểm soát viên công ty.

Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 nêu trên, việc xem xét miễn nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp (Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng), Kiểm soát viên được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút.
- b) Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một thời hạn bổ nhiệm.
- c) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng. Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.
- d) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

g) Người quản lý doanh nghiệp là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

Điều 27. Ủy quyền của Chủ tịch, Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc

Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật; Người được ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc về các công việc được ủy quyền.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, chức danh quản lý khác, người lao động

1. Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm. Mức tiền lương, tiền thưởng theo qui định của Nhà nước và tương ứng với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, Người quản lý Công ty (Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) và Kiểm soát viên Công ty được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng tổng số tiền thưởng của năm; số còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi được Chủ sở hữu duyệt.

b) Số tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính công ty, qui định về tiền lương, tiền thưởng của Nhà nước hiện hành.

3. Người quản lý Công ty và các chức danh quản lý khác đều được hưởng thêm lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiền thưởng (nếu có).

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định mức thù lao, lương và các lợi ích khác của Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty.

5. Tiền lương của tất cả người lao động trong Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành. Công ty đăng ký tiền lương, tiền công với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của Công ty không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Điều 29. Bộ máy giúp việc

Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc quản lý, điều hành Công ty. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng giám đốc đề xuất, Chủ tịch công ty quyết định.

1. Phòng Tổ chức - Hành chính.

2. Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

4. Phòng Kinh doanh.

Điều 30. Các đơn vị trực thuộc Công ty

1. Tên Chi nhánh Công ty

1.1. Chi nhánh Kiến An - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Kiến An

1.2. Chi nhánh An Lão - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số An Lão

1.3. Chi nhánh Đồ Sơn, Dương Kinh - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Đồ Sơn, Dương Kinh

1.4. Chi nhánh Thủy Nguyên - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Thủy Nguyên

1.5. Chi nhánh Kiến Thụy - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Kiến Thụy

1.6. Chi nhánh Tiên Lãng - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Tiên Lãng

1.7. Chi nhánh Vĩnh Bảo - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.

- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Vĩnh Bảo

- 1.8. Chi nhánh An Dương - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.
- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số An Dương
- 1.9. Chi nhánh Cát Hải - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.
- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Cát Hải
- 1.10. Chi nhánh Bạch Long Vỹ - Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hải Phòng.
- Tên viết tắt: Chi nhánh Xổ số Bạch Long Vỹ

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt và Tổng giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh, khi đủ điều kiện Công ty sẽ thành lập mới hoặc chia tách, sáp nhập, giảm bớt các phòng, ban, trung tâm, chi nhánh, văn phòng, xí nghiệp; phát triển các ngành nghề kinh doanh, đặt các chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn thành phố và các tỉnh trên phạm vi toàn quốc hoặc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật sau khi được Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

Mục 3

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC HÌNH THỨC NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 31. Ký kết hợp đồng lao động và quyền lợi người lao động

1. Ký kết hợp đồng lao động.

Công ty quản lý người lao động thông qua ký kết hợp đồng lao động. Việc ký kết hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được dựa trên các nguyên tắc: Xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế; Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh công việc; Tổng giám đốc công ty ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước; Người lao động trong Công ty được đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của đơn vị.

2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động.

2.1. Quyền của người lao động.

a) Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

b) Người lao động thực hiện quyền lợi theo hợp đồng lao động đã ký và được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Người lao động có quyền tham gia quản lý Công ty thông qua: Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu công nhân viên chức của Công ty; tổ chức Công

đoàn Công ty để tham gia: Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Công ty; các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động; các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty; thực hiện các quyền ghi trong nội quy, quy chế Công ty, thỏa ước lao động tập thể và theo quy định của pháp luật.

2.2. Nghĩa vụ của người lao động.

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác.

b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát của lãnh đạo Công ty.

c) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 32. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ người lao động.

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

- a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.
- b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.
- d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Chủ tịch, Tổng giám đốc đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế Công ty và những vấn đề khác liên quan đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Bộ máy tham mưu, giúp việc lập kế hoạch để Chủ tịch, Tổng giám đốc công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Điều 34. Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động

Tiền lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty được hưởng theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ tịch Công ty quyết định hình thức trả lương, mức lương, tiền công và các lợi ích khác của người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 35. Năm tài chính, báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán tài chính; Quản lý tài chính Công ty

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó; Công ty thực hiện công khai tài chính và báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ sở hữu công ty ban hành phù hợp với quy định của Luật Doanh

nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của công ty tại doanh nghiệp khác.

b) Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

c) Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

d) Những nội dung khác có liên quan.

Điều 36. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận hàng năm sau khi nộp thuế được trích lập vào các quỹ và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lập phương án phân phối lợi nhuận trình Chủ tịch công ty để báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

Điều 37. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

1. Do nguyên nhân khách quan: Cơ quan đại diện chủ sở hữu cho phép xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

2. Do nguyên nhân chủ quan: Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và ban lãnh đạo chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 38. Các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác

Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Công ty có thể đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác, gồm: góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; mua cổ phần của công ty cổ phần và các hình thức khác theo quy định của pháp luật sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

Điều 39. Vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác

1. Vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác bao gồm:

Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác; vốn Cơ quan đại diện chủ sở hữu góp vào doanh nghiệp khác giao cho Công ty quản lý; vốn do Công ty vay để đầu tư; lợi tức từ vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác; các loại vốn khác.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn vào doanh nghiệp khác.
Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định góp vốn theo khoản 7, Điều 13 của Điều lệ này.

CHƯƠNG VI

CÁC TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Điều 40. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 41. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi sở hữu Công ty theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 42. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện việc tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phù hợp với Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật.

Điều 43. Phá sản, giải thể và thanh lý tài sản khi giải thể

1. Giải thể Công ty.

a) Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

c) Bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thanh lý tài sản khi giải thể.

Khi quyết định giải thể Công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập Hội đồng giải thể làm nhiệm vụ thanh lý tài sản và giải quyết các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật; trong thời gian giải thể, Hội đồng giải thể có quyền đề xuất các biện pháp giải quyết đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Phá sản Công ty.

Việc phá sản Công ty thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 44. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng tháng, quý, năm:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính.
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 45. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu những tài liệu sau:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Cơ quan đại diện chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo từng trường hợp.

Điều 46. Công khai thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quyết định hoặc là người được Chủ tịch công ty ủy quyền bằng văn bản và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được

cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

4. Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 109, Điều 110 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Tất cả người lao động của Công ty đều có quyền đóng góp ý kiến, đề nghị sửa đổi hoặc sửa đổi bổ sung Điều lệ khi Công ty tổ chức tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm; Các ý kiến đóng góp được chuyển đến Chủ tịch công ty để tổng hợp ý kiến và làm rõ trước khi báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu sửa đổi, bổ sung; Cơ quan đại diện chủ sở hữu sau khi xem xét kiến nghị đúng pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế sẽ ra quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty hoặc ủy quyền cho Chủ tịch công ty xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 48. Quản lý con dấu của Công ty

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.

a) Mẫu con dấu.

- Hình thức: Hình tròn

- Kích cỡ: Đường kính con dấu 36 mm

- Nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xỏ số kiến thiết Hải Phòng và mã số doanh nghiệp

- Màu mực dấu: Màu đỏ

b) Số lượng con dấu: 01 (một) con dấu.

2. Quản lý con dấu:

a) Con dấu của Công ty được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức, nội dung con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Con dấu là tài sản của Công ty. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

c) Các đơn vị trực thuộc Công ty được phép có con dấu theo Quyết định của Chủ tịch công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giám đốc, trưởng các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu đúng quy định của pháp luật và phân cấp của Công ty.

Điều 49. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Xô số Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 51. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.
2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

4. Bản Điều lệ gồm 09 Chương và 51 Điều đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét từng Chương, từng Điều và phê duyệt bằng Quyết định.

Bản Điều lệ này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

- 01 bản để đăng ký kinh doanh;
- 01 bản Cơ quan đại diện chủ sở hữu để lưu;
- 01 bản Chủ tịch công ty để lưu;

- 01 bản Kiểm soát viên công ty để lưu;
- 01 bản Tổng giám đốc công ty để lưu;
- 01 bản lưu tại Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



Lê Văn Phúc

**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

